

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
SD  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HS-ST  
Ngày 25-5-2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN SD, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thị Ánh Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Như Trước.

2. Ông Lê Văn Cọng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Văn Bim - Thư ký Tòa án nhân dân SD, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân SD tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Lĩnh –ông Đồng Việt Bình Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân SD, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HS ngày 11-5-2022, đối với bị cáo:

**NTK** (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1988 tại tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Thợ hồ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; con ông Nguyễn Minh Luân, sinh năm 1968 và bà Lê Thị Duyên, sinh năm 1968; có vợ Nguyễn Thị Tha, sinh năm 1990 (đã ly hôn), có một con sinh năm 2008; tiền án: Có 04 tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29-9-2006, bị Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tại bản án hình sự sơ thẩm số 58/2006-HSST. Đã thi hành xong bản án, chưa được xóa án tích; ngày 16-01-2009, bị Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xử phạt 02 (hai) năm tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2009/HSST. Đã thi hành xong bản án, chưa được xóa án tích; ngày 15-02-2011, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

xử phạt 03 (ba) năm tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2011/HSST. Đã thi hành xong bản án, chưa được xóa án tích; ngày 17-9-2014, bị Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, tại bản án hình sự sơ thẩm số 68/2014/HSST. Đã chấp hành xong bản án, chưa được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18-11-2021 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

1. Anh HVĐ, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, vắng mặt;

2. Anh ĐVP, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn Đắc Doa, xã SL, SD, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị ĐTR, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn Đắc Doa, xã SL, SD, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

**- Người tham gia tố tụng khác (người làm chứng):**

1. Chị ĐTT, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Đắc Doa, xã SL, SD, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt;

2. Anh ĐVX, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn Đắc Doa, xã SL, SD, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt;

3. ĐVL, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn Đắc Doa, xã SL, SD, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

4. Chị ĐTBH, sinh năm 1996; nơi cư trú: Ấp Cống Cả, xã Vĩnh Đ, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt;

5. Bà HTC, sinh năm 1963; nơi cư trú: Lô 9 L6, khóm Đông Thịnh 9, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, vắng mặt.

*Người phiên dịch:* Ông Đinh Văn Rông, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn Huy Ra Long, xã Sơn Mùa, SD, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 13-01-2019, anh HVĐ, sinh năm 1988 chở NTK đến phòng trọ của mình tại nhà trọ Minh Hậu, đường D12, khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã BC, tỉnh Bình Dương chơi.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, chị ĐTBH, sinh năm 1996 (là bạn gái của Đ) điều khiển xe mô tô Honda Vision BKS 69D1-381.85 đi mua đồ về và dựng xe phía trước dãy nhà trọ Minh Hậu rồi bỏ chìa khóa xe vào hộc đựng đồ phía trước của xe

mô tô. Chị H vào phòng trọ của Đ, lúc này anh Đ và chị H xảy ra mâu thuẫn nên cãi nhau. Thấy vậy, K đi ra phía trước dãy trọ chờ và nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh Đ để bán lấy tiền tiêu xài. Lợi dụng lúc anh Đ và chị Hai đang cãi nhau ở trong phòng, khi cửa phòng đang khép, K lấy chìa khóa xe mô tô nổ máy và đi về hướng thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, K bán xe mô tô này cho một người tên Hưng (không rõ lai lịch) với giá 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Ngày 25-02-2019 K ra trình diện với Cơ quan CSĐT Công an thị xã BC, tỉnh Bình Dương nhưng sau đó đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Tại Kết luận về việc định giá tài sản ngày 22-01-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã BC kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 69D1-381.85, số khung: 5818GY559014, số máy: JF66E0805931 đã qua sử dụng có giá: 35.150.000 đồng (*ba mươi lăm triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Sau đó NTK đã bỏ trốn khỏi địa phương, trong thời gian bỏ trốn, K đến sống tại SD, tỉnh Quảng Ngãi. Khoảng 20 giờ ngày 25-01-2021, K đi bộ trên đoạn đường thuộc thôn Đắc Doa, xã SL, SD (đi theo hướng xã Đắc Nền, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum). K thấy có 01 xe mô tô BKS 76N1-035.09, nhãn hiệu HONDA, loại BLADE, màu trắng - đen - đỏ (xe mô tô của anh ĐVP, sinh năm 1993, trú tại xã SL, SD) đang dựng phía trước sân nhà sàn của ông ĐVX, sinh năm 1983, trú tại thôn Đắc Doa, xã SL, SD (cạnh đường đi). Lúc này K nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô này để làm phương tiện đi lại. K đi đến vị trí để xe mô tô, thấy chìa khóa vẫn còn cắm trong ổ khóa, K quan sát xung quanh không có người nào nên K ngồi lên xe, dùng sức của mình đẩy xe về phía trước, cho xe chạy xuống đoạn đường dốc khoảng 300 mét (*Ba trăm mét*) rồi nổ máy điều khiển xe mô tô đi về hướng xã Đắc Nền, huyện KPL, tỉnh Kon Tum.

Đến tối ngày 26-01-2021 K cùng một người tên Đệ (không rõ lai lịch) điều khiển xe mô tô đi đến xã ĐTL, huyện KR, tỉnh Kon Tum chơi. Tại đây, K đã có hành vi đánh nhau và bị Công an xã ĐTL mời đến trụ sở làm việc. Công an xã ĐTL đã tạm giữ xe mô tô BKS 76N1-035.09 do K điều khiển để xác minh, làm rõ vụ việc. Tuy nhiên, sau đó K bỏ đi về SD, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 20-11-2021, Công an xã Đắc Tơ Lung đã giao lại xe mô tô BKS 76N1-035.09 cho Cơ quan CSĐT Công an SD để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá số 07/HĐĐG, ngày 24-11-2021, Hội đồng định giá thường xuyên trong Tố tụng hình sự SD kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu sơn trắng – đen – đỏ do NTK trộm cắp có giá 18.900.000 đồng (*mười tám triệu, chín trăm nghìn đồng*).

Trong quá trình giải quyết vụ án, K đã gửi tiền nhờ bà LTD (mẹ của K) bồi thường cho anh HVĐ số tiền 10.500.000 đồng (*Mười triệu, năm trăm nghìn đồng*); tại cơ quan điều tra, K đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Tình tiết tăng nặng: NTK đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản,

đều đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong các ngày 29 tháng 4 và ngày 06 tháng 5 năm 2022 K bị Tòa án nhân dân SD xét xử về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại khoản 1 Điều 145 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại bản cáo trạng số 171/CT-VKSST ngày 31-3-2022 của Viện kiểm sát nhân dân SD, tỉnh Quảng Ngãi truy tố NTK về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân SD, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo NTK phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo NTK từ 05 (năm) đến 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (18-11-2021).

Về dân sự:

- Anh HVĐ yêu cầu bị cáo NTK tiếp tục thực hiện bồi thường số tiền 24.650.000 đồng (*hai mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Tại phiên tòa Anh ĐVP khai đã nhận lại xe mô tô hiệu Hon đa BKS 76N1-035.09, trong phiên Tòa anh ĐVP yêu cầu bị cáo NTK bồi thường chi phí đỗ xăng, thuê người tìm kiếm xe tổng cộng số tiền 2.200.000 đồng (*hai triệu hai trăm nghìn đồng*), đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Ngoài ra không ai có ý kiến gì thêm.

Bị cáo NTK, không có ý kiến tranh luận gì.

*Lời nói sau cùng của bị cáo:* Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an SD, tỉnh Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân SD, tỉnh Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo NTK không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành

tổ tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội* : Tại phiên tòa, bị cáo NTK khai nhận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 13-01-2019, anh HVĐ chở K đến phòng trọ của Đ chơi. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, chị ĐTBH điều khiển xe mô tô Honda Vision BKS 69D1-381.85 đi mua đồ về và dựng xe phía trước dãy nhà trọ Minh Hậu rồi bỏ chìa khóa xe vào hộc đựng đồ phía trước của xe mô tô. Chị H vào phòng trọ của Đ, lúc này anh Đ và chị Hai xảy ra mâu thuẫn nên cãi nhau. Thấy vậy, K đi ra phía trước dãy trọ chờ và nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của anh Đ để bán lấy tiền tiêu xài. K lợi dụng lúc anh Đ và chị Hai đang cãi nhau ở trong phòng, khi cửa phòng đang khép, K lấy chìa khóa xe mô tô nổ máy và đi về hướng thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, K bán xe mô tô này cho một người tên Hưng (không rõ lai lịch) với giá 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Ngày 25-02-2019 K ra trình diện với Cơ quan CSĐT Công an thị xã BC, tỉnh Bình Dương nhưng sau đó đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Trong thời gian bỏ trốn, K đến sống tại SD, tỉnh Quảng Ngãi. Khoảng 20 giờ ngày 25-01-2021, K đi bộ trên đoạn đường thuộc thôn ĐD, xã SL, SD. K phát hiện có 01 xe mô tô BKS 76N1-035.09, nhãn hiệu HONDA, loại BLADE, màu trắng - đen - đỏ của anh ĐVP đang dựng phía trước sân nhà sàn của ông ĐVX. Lúc này K nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô này để làm phương tiện đi lại. K đi đến vị trí để xe mô tô, thấy chìa khóa vẫn còn cắm trong ổ khóa, K quan sát xung quanh không có người nên K ngồi lên xe, dùng sức của mình đẩy xe về phía trước, cho xe chạy xuống đoạn đường dốc khoảng 300 mét (*Ba trăm mét*) rồi nổ máy điều khiển xe mô tô đi về hướng xã Đắc Nền, huyện Kon PLông, tỉnh Kon Tum.

Đến tối ngày 26-01-2021 K cùng một người tên Đệ (không rõ lai lịch) điều khiển xe mô tô đi đến xã Đắc Tơ Lung, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum chơi. Tại đây, K đã có hành vi đánh nhau và bị Công an xã ĐTL mời đến trụ sở làm việc. Công an xã ĐTL đã tạm giữ xe mô tô BKS 76N1-035.09 do K điều khiển để xác minh, làm rõ vụ việc. Tuy nhiên, sau đó K bỏ đi về SD, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 20-11-2021, Công an xã Đắc Tơ Lung đã giao lại xe mô tô BKS 76N1-035.09 cho Cơ quan CSĐT Công an SD để giải quyết theo thẩm quyền.

Lời khai của bị cáo NTK tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Bị cáo NTK đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần:

Lần 1: Khoảng 22 giờ ngày 13-01-2019, bị cáo NTK đã lợi dụng lúc anh Đ và chị Hai xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau khi cửa phòng đang khép nên bị cáo K đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô Honda Vision BKS 69D1-381.85 của anh HVĐ để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã trộm cắp của anh Đ được định giá là 35.150.000 đồng (*ba mươi lăm triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Lần 2: Khoảng 20 giờ ngày 25-01-2021, bị cáo K đi bộ trên đoạn đường thuộc

thôn Đắc Doa, xã SL, SD. Tại đây bị cáo K phát hiện có 01 xe đang dựng phía trước sân nhà sàn của ông ĐVX. Lúc này K nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô này để làm phương tiện đi lại. K đi đến vị trí để xe mô tô, thấy chìa khóa vẫn còn cắm trong ổ khóa, K quan sát xung quanh không có người nên K ngồi lên xe, dùng sức của mình đẩy xe về phía trước, cho xe chạy xuống đoạn đường dốc khoảng 300 mét (*Ba trăm mét*) rồi nổ máy điều khiển xe mô tô đi về hướng xã Đắc Nền, huyện Kon PLông, tỉnh Kon Tum. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã trộm cắp của anh Pa được định giá là 18.900.000 đồng (*mười tám triệu, chín trăm nghìn đồng*).

Cả hai lần thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo NTK đều trên 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*), đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản nên Viện kiểm sát nhân dân SD, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo NTK về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] *Đánh giá tính chất vụ án*: Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo NTK có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo NTK là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục, cũng như để phòng ngừa chung tội phạm.

[4] *Về tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ*:

+ *Tình tiết tăng nặng*:

Khoảng 22 giờ ngày 13-01-2019, bị cáo NTK thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô Honda Vision BKS 69D1-381.85 của anh HVD tại nhà trọ Minh Hậu, đường D12, khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 20 giờ ngày 25-01-2021, bị cáo NTK thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô BKS 76N1-035.09, nhãn hiệu HONDA, loại BLADE, màu trắng - đen - đỏ của anh ĐVP thôn Đắc Doa, xã SL, SD, tỉnh Quảng Ngãi.

Cả hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo NTK đều trên 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*), đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt.

Từ năm 2006 đến nay, bị cáo NTK có 04 tiền án.

Ngày 29-9-2006, bị Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tại bản án hình sự sơ thẩm số 58/2006-HSST. Đã thi hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích;

Ngày 16-01-2009, bị Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xử phạt 02 (hai) năm tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2009/HSST. Đã thi hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích;

Ngày 15-02-2011, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 (ba) năm tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2011/HSST. Đã thi hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích;

Ngày 17-9-2014, bị Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, tại bản án hình sự sơ thẩm số 68/2014/HSST. Đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích.

Ngày 06-5-2022, tại bản án hình sự sơ thẩm số 04/2022/HS-ST, bị Tòa án nhân dân SD, tỉnh Quảng Ngãi phạt 3 (ba) năm tù về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” quy định tại khoản 1 Điều 145 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

+*Tình tiết giảm nhẹ*: Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo NTK đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường cho anh HVĐ số tiền 10.500.000 đồng (*Mười triệu, năm trăm nghìn đồng*). Do đó, cần xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: căn cứ vào khoản 1 điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; anh HVĐ yêu cầu bị cáo NTK tiếp tục bồi thường 24.650.000 đồng (*hai mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) là có cơ sở. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh ĐVP đã nhận lại xe mô tô hiệu Hon da mang BKS 76N1-035.09, đồng thời yêu cầu bị cáo NTK bồi thường ngày công đi tìm xe và đổ xăng để đi tìm xe tổng cộng 2.200.000 đồng (*hai triệu đồng*). Tuy nhiên tại phiên tòa bị hại cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ để chứng minh về thiệt hại để yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để buộc bị cáo bồi thường. Anh ĐVP có quyền khởi kiện yêu cầu bị cáo NTK bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng bằng một vụ án dân sự khác.

[6] *Về án phí*: Bị cáo NTK phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về mức bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào các điểm c, g khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo NTK phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo NTK 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt ngày 18-11-2021.

2. Về dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo NTK tiếp tục bồi thường số tiền 24.650.000 đồng (*hai mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) cho anh HVD.

- Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại 2.200.000 đồng (*hai triệu hai trăm nghìn đồng*) của anh ĐVP. Anh ĐVP có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

3. Về án phí: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo NTK phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.232.500 đồng (*một triệu hai trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bị hại anh HVD có quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND SD;
- CQCSĐT Công an SD;
- Cơ quan THAHS SD;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Q.Ngãi;
- Chi cục THADS SD;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lâm Thị Ánh Tuyết**



